TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2026/DS-ST
Ngày: 09/6/2026.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Hương Giang
2. Bà Nguyễn Thị Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2026/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 184/2026/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.
Trụ sở: B N, phường C, TP ..
Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Quỳnh N, ông Trần Thanh T - Đại diện theo Giấy ủy quyền số 9163/UQ-PVB ngày 24/11/2025.
Địa chỉ: B L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Kim Hồng T1, sinh năm 1992
Địa chỉ: A T, phường V, TP ..
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có ông Trần Thanh T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP Đ (P) và bà Kim Hồng T1 đã ký kết Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 392/2020/HĐTD/PVB-CNHCM.KHCN ngày 26/8/2020, thông tin cụ thể như sau:

- Số tài khoản thẻ tín dụng: 5425538887943582

- Trạng thái thẻ hiện tại: Warm card (Là trạng thái thẻ khi chủ thẻ chậm thanh toán sao kê từ 90 ngày trở lên)

- Ngày phát hành: 31/8/2020

- Ngày hết hạn: 31/8/2023

- Hạn mức thẻ: 70.000.000 đồng

- Lãi suất phát vay: 25%/năm

- Mục đích vay: tiêu dùng.

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, P đã thực hiện cấp hạn mức thẻ tín dụng cho bà Kim Hồng T1 số tiền 70.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, số nợ gốc cuối cùng mà bà Kim Hồng T1 đã thực hiện giao dịch chi tiêu là 69.999.000 đồng và kể từ ngày 12/3/2021 bà Kim Hồng T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho P. P đã rất nhiều lần liên hệ yêu cầu bà Kim Hồng T1 thực hiện nghĩa vụ nợ, tuy nhiên bà Kim Hồng T1 không thực hiện. Do đó kể từ ngày 08/7/2021 P đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn.

Trước đây tại đơn khởi kiện, P yêu cầu Tòa án buộc bà Kim Hồng T1 thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/10/2025 là 765.754.390 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 69.999.000 đồng

- Nợ lãi: 494.591.024 đồng

- Phí: 201.164.366 đồng.

Và yêu cầu bà T1 tiếp tục trả các khoản lãi, phí phát sinh cho P cho đến khi thanh toán hết khoản nợ trên.

Quá trình giải quyết vụ án, sau khi kiểm tra lại khoản vay và tiền lãi P có sửa đổi, bổ sung về tiền lãi và xác định yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc bà Kim Hồng T1 thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho P tổng số tiền 203.728.046 đồng (tạm tính đến 16/4/2026), trong đó:

- Nợ gốc: 69.999.000 đồng

- Nợ lãi: 132.889.047 đồng

- Phí: 839.999 đồng

Buộc bà Kim Hồng T1 phải trả cho P các khoản nợ lãi và phí phát sinh theo Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 392/2020/HĐTD/PVB-CNHCM.KHCN ngày 26/8/2020 kể từ ngày 17/4/2026 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ đối với các khoản vay trên. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

P xác định đây là khoản vay tiêu dùng cá nhân nên chỉ yêu cầu cá nhân bà T1 có trách nhiệm thanh toán cho P.

Bị đơn bà Kim Hồng T1 đã được Tòa án tống đạt, niêm yết Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian tiến hành tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng bà T1 vẫn không có mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà T1.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn Ngân hàng P trình bày: P đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của P về việc buộc bà Kim Hồng T1 có trách nhiệm thanh toán cho P tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử 09/6/2026 là 207.692.060 đồng phát sinh từ Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 392/2020/HĐTD/PVB-CNHCM.KHCN ngày 26/8/2020, trong đó tổng nợ gốc là 69.999.000 đồng, nợ lãi là 136.853.061 đồng (lãi trong hạn là 5.056.060 đồng, lãi quá hạn là 129.306.372 đồng, lãi chậm trả là 2.490.629 đồng), phí là 839.999 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra bà T1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/6/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Kim Hồng T1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện bị đơn bà Kim Hồng T1 yêu cầu phải trả số tiền gốc lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ tín dụng là tranh chấp xuất phát từ hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường V, TP . thì bà Kim Hồng T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ A T, phường V, TP .. Do đó, căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Xét bị đơn bà Kim Hồng T1 đã được Tòa án tống đạt, niêm yết, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xét, bị đơn bà Kim Hồng T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Tại đơn khởi kiện ban đầu, P yêu cầu bị đơn bà T1 trả tổng số tiền nợ gốc và lãi là 765.754.390 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, P đã thay đổi, bổ sung về tiền

lãi, theo đó P yêu cầu bà Kim Hồng T1 phải trả tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/4/2026 là 203.728.046 đồng, trong đó nợ gốc là 69.999.000 đồng, nợ lãi là 132.889.047 đồng, phí là 839.999 đồng. Xét thấy việc thay đổi, giảm bớt yêu cầu khởi kiện này là quyền tự quyết của đương sự, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 nên chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (P) buộc bà Kim Hồng T1 phải trả tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 09/6/2026 là 207.692.060 đồng:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 392/2020/HĐTD/PVB-CNHCM.KHCN ngày 26/8/2020 cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có cơ sở xác định: Ngày 26/8/2020, P cấp tín dụng cho bà Kim Hồng T1 bằng hình thức cấp thẻ tín dụng số 5425538887943582, sử dụng thẻ bà T1 phải trả các khoản gốc, lãi theo quy định trong Điều khoản, điều kiện cấp tín dụng và phát hành, sử dụng thẻ tín dụng tại P.

Xét, hình thức và nội dung của hợp đồng được lập tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự và các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. Do đó, hợp đồng phát sinh hiệu lực pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ ràng buộc giữa các bên.

Thực hiện hợp đồng, P đã cấp hạn mức thẻ tín dụng số tiền 70.000.000 đồng cho bà T1 sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân. Như vậy, phía nguyên đơn P đã hoàn thành nghĩa vụ giải ngân/cấp hạn mức.

Tuy nhiên, kể từ ngày 12/3/2021, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù P đã nhiều lần liên hệ, đôn đốc yêu cầu nhưng bị đơn bà T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ. Tính đến nay, bà T1 vẫn còn nợ số tiền nợ gốc là 69.999.000 đồng. Hành vi này của bị đơn bà T1 đã vi phạm nghiêm trọng cam kết nghĩa vụ thanh toán được quy định tại hợp đồng và vi phạm khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự về "Nghĩa vụ trả nợ của bên vay". Do đó, yêu cầu của nguyên đơn P buộc bị đơn bà T1 phải thanh toán trả nợ gốc là có căn cứ pháp lý để chấp nhận.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng, lãi suất áp dụng đối với khoản vay tiêu dùng qua thẻ là 25%/năm. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền sao kê hàng tháng, P có quyền tính lãi trong hạn, lãi quá hạn và các loại phí quản lý, phí chậm thanh toán theo đúng biểu phí đã được bên vay đồng ý ký kết khi mở thẻ, phù hợp với Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng (về lãi suất, phí trong hoạt động tín dụng) và Thông tư của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.

Mặt khác, căn cứ khoản 15.1 Điều 15 Phụ lục 2 quy định về lãi suất thẻ và cách tính lãi của Điều khoản, điều kiện cấp thẻ tín dụng quy định: " Nếu Chủ Thẻ không thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần số dư nợ cuối kỳ hoặc thanh toán nợ sau ngày đến hạn, P sẽ tính lãi trên toàn bộ dư nợ cuối kỳ tính từ ngày các giao dịch được cập nhật vào hệ thống quản lý thẻ của P đến ngày Chủ thẻ thanh toán một phần số tiền giao dịch hoặc toàn bộ dư nợ; các giao dịch còn lại chưa thanh toán sẽ được tiếp tục tính lãi cho đến khi được thanh toán và các khoản lãi này được thể hiện trên kỳ sao kê tiếp theo…"

Căn cứ khoản 20.4 Điều 20 của Điều khoản, điều kiện cấp thẻ tín dụng quy định " sau 1 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh

toán số tiền nhỏ hơn số tiền thanh toán tối thiểu, toàn bộ dư nợ chưa thanh toán sẽ bị chuyển sang nợ quá hạn và Chủ thẻ bị xem là vi phạm Điều khoản và Điều kiện...”

Căn cứ Điều 22 của Điều khoản, điều kiện cấp thẻ tín dụng quy định “Khi xảy ra sự kiện vi phạm hoặc thay đổi bất lợi đáng kể theo Điều khoản và Điều kiện này, Chủ thẻ xác nhận và đồng ý vô điều kiện rằng P có quyền tiến hành một hoặc nhiều biện pháp sau đây mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ…

22.3. Khóa thẻ vĩnh viễn, chấm dứt việc cung cấp dịch vụ thẻ, thực hiện thu hồi thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ dư nợ (nếu có)…”

Căn cứ Bảng tóm tắt sao kê chi tiết ngày 09/6/2026 về việc sử dụng thẻ tín dụng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận việc nguyên đơn xác định đến thời điểm ngày 09/6/2026, tổng số nợ phát sinh từ Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 392/2020/HĐTD/PVB-CNHCM.KHCN ngày 26/8/2020 số tiền là 207.692.060 đồng, trong đó nợ gốc là 69.999.000 đồng, nợ lãi là 136.853.061 đồng (lãi trong hạn là 5.056.060 đồng, lãi quá hạn là 129.306.372 đồng, lãi chậm trả là 2.490.629 đồng), phí là 839.999 đồng.

Từ những nhận định trên, xét thấy đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bị đơn bà T1 không trả vì vậy việc nguyên đơn P yêu cầu bị đơn bà T1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền tính đến ngày 09/6/2026 là 207.692.060 đồng đồng như đã nêu trên là phù hợp với nhận định cũng như các căn cứ pháp luật đã được viện dẫn ở trên nên được chấp nhận.

Xét, việc P yêu cầu bị đơn bà T1 phải tiếp tục trả tiền lãi đối với số nợ gốc kể từ ngày 10/6/2026 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu của nguyên đơn P được chấp nhận nên bị đơn bà T1 phải chịu án phí sơ thẩm là 10.384.603 đồng. Hoàn trả lại cho P số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91 của Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ:

Buộc bà Kim Hồng T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền nợ phát sinh từ việc sử dụng thẻ tín dụng số 5425538887943582 ngày

26/8/2020 tính đến ngày 09/6/2026 là 207.692.060 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn không trăm sáu mươi đồng), trong đó nợ gốc là 69.999.000 đồng, nợ lãi là 136.853.061 đồng, phí là 839.999 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Kim Hồng T1 còn phải tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 10/6/2026 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 392/2020/HĐTD/PVB-CNHCM.KHCN ngày 26/8/2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bà Kim Hồng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.384.603 đồng (mười triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm lẻ ba đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.325.088 đồng (mười bảy triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn không trăm tám mươi tám đồng) theo biên lai thu tiền số 0004497 ngày 14/01/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ngày tuyên án.

Bà Kim Hồng T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND KV1-TP.HCM;
- Phòng THA DS KV1-TP.HCM;
- THA DS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 1

INC090626.TL.QDBA 20686

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tình Duyên